TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 967/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 7 - 2018
V/v Ly hôn giữa chị T và anh P

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Xuân Chính

Các Hội thẩm:

1. Ông Thái Văn Sơn
2. Bà Phạm Thị Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Anh Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2018, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 418/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2018 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 173/2018/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 171/2018/QĐST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị T, sinh năm: 1986

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã C, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bị đơn: Anh P, sinh năm: 1982

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã C, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 3 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị T trình bày: Chị T và anh P tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2003, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 060, Quyển số: I/2006 do Ủy ban nhân dân xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09 tháng 5 năm 2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sinh sống ở bên nhà chồng tại địa chỉ Tổ A, ấp B, xã C, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh cho đến nay. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian hạnh phúc không kéo dài thì đến khi sinh cháu thứ hai vào năm 2009, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh P ăn chơi, cờ bạc dẫn đến nợ nần phải bán nhiều tài sản để trả nợ, chị T nhiều lần phải trả nợ

thay cho chồng. Nhiều lần chị T khuyên bảo, bỏ qua cho chồng cơ hội sửa đổi nhưng anh P vẫn chứng nào tật đấy, không thay đổi mà còn thường xuyên hăm dọa giết vợ, nghiêm trọng hơn anh P còn ngoại tình với người phụ nữ khác bên ngoài. Mâu thuẫn kéo dài dẫn đến vợ chồng chị sống ly thân từ tháng 02/2018 cho đến nay. Chị T xác định thời gian vợ chồng ly thân đã lâu, đến nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, khả năng hàn gắn không còn nên chị T kiện yêu cầu ly hôn với anh P.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng chị T và anh P có 02 người con chung L, sinh ngày: 14/4/2004 và K, sinh ngày: 13/7/2009. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con với lý do hiện nay hai cháu đang do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, hiện nay chị T có đủ điều kiện vật chất để nuôi sống bản thân và nuôi con, chị T chưa yêu cầu anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh P đã được Tòa án tống đạt triệu tập hợp lệ hai lần tự khai và hai lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh P không có mặt nên không có lời khai, đồng thời Tòa án cũng không thể tiến hành hòa giải giữa các bên đương sự được với nhau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi Tòa án nhân dân huyện Củ Chi thụ lý vụ án đến nay, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay, nhận thấy yêu cầu của chị T là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ:

Thứ nhất, cuộc sống hôn nhân của vợ chồng anh P, chị T không còn hạnh phúc, không còn khả năng hàn gắn do mâu thuẫn của vợ chồng anh P, chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mà nguyên nhân chính là do vợ chồng không hòa hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hôn nhân cũng như trong việc chăm sóc, giáo dục con cái. Trước đó vào ngày 02/02/2018, chị T đã có làm đơn xin ly hôn gửi Tòa án nhân dân huyện Củ Chi nhưng sau đó chị T nhận thấy, chị vẫn còn thương anh P và suy nghĩ đến tương lai của các con nên chị T đã rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, tuy nhiên sau khi chị T rút đơn xin ly hôn thì anh P không những không chịu khắc phục, sửa chữa mà ngược lại anh P hay ghen tuông với chị T một cách vô cớ, tiếp tục đánh bạc dẫn đến nợ nần ngày càng nhiều hơn.

Thứ hai, theo kết quả xác minh của Công an xã An Nhơn Tây, xác định anh P vẫn đang sống chung nhà với chị T nhưng anh P không đến Tòa án để giải quyết vụ việc, mặc dù anh P đã trực tiếp ký nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và tại phiên tòa hôm nay anh P vắng mặt không rõ lý do, điều đó chứng tỏ anh P

hoàn toàn không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, cha con với mẹ con chị T.

Thứ ba, các con chung L và K đều đã có bản tự khai, trình bày nguyện vọng được ở với mẹ nếu vợ chồng anh P và chị T ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Thứ tư, tại đơn xin ly hôn ngày 30/3/2018, chị T yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 2,000,000 đồng/tháng/02con, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, chị T xác định là không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi 02 con chung, xét thấy đây là sự tự nguyện của chị T nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của chị T.

Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T là được ly hôn với anh P. Chị T được quyền trực tiếp nuôi hai con chung L và K, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Đây là tranh chấp về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", bị đơn có nơi cư trú tại huyện Củ Chi. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] *Về tố tụng:* Anh P (là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh P.

Xét thấy vụ án này Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, căn cứ khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 01/8/2012 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Tòa án nhân dân tối cao, trường hợp này Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi phải tham gia phiên tòa theo quy định.

[3] Chị T và anh P tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2003, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 060, Quyển số: I/2006 do Ủy ban nhân dân xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09 tháng 5 năm 2006. Căn cứ Điều 9; Điều 11 và Điều 12 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh P là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Phiếu yêu cầu xác minh số 302/TAHCC ngày 03 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Công an xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh trả lời *"Anh P thường mâu thuẫn gia đình, đập phá, đốt tài sản do P chơi cờ bạc nợ dẫn đến mâu thuẫn gia đình, có ý hăm dọa chém giết với T, lý do ghen*

vô cớ", như vậy có căn cứ cho thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T và anh P đã xảy ra từ lâu và kéo dài, nguyên nhân xuất phát từ việc anh P ăn chơi, cờ bạc dẫn đến nợ nần, là người sống không có trách nhiệm với gia đình, bỏ mặc vợ con và có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác bên ngoài. Ngoài ra, trong đời sống vợ chồng, anh P còn có những hành động ghen tuông vô cớ và thường xuyên đe dọa đối với vợ làm cho chị T lâm vào tình trạng bị khủng hoảng về tinh thần như chị T đã trình bày, xét thấy những hành vi nêu trên của anh P đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Mặt khác, trước đây chị T đã có đơn xin ly hôn tại Tòa án, nhưng do còn thương yêu chồng và suy nghĩ đến tương lai của các con nên chị T đã rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện và Tòa án nhân dân huyện Củ Chi đã ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 243/2018/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2018, tuy nhiên thời gian sau đó, anh P vẫn không thay đổi bản thân, tu trí làm ăn, khắc phục, sửa chữa những khuyết điểm để hàn gắn tình cảm vợ chồng mà ngược lại tiếp tục ăn chơi, cờ bạc, đập phá và đốt tài sản của gia đình. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên hòa giải nhưng anh P vẫn vắng mặt, cho thấy anh P không có thiện chí hòa giải để hàn gắn hạnh phúc vợ chồng, vì vậy với yêu cầu của chị T, yêu cầu được ly hôn với anh P là có cơ sở, thỏa mãn căn cứ cho ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và hướng dẫn tại điểm a Mục 8 Nghị quyết 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về nuôi con chung: Chị T có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu L, sinh ngày: 14/4/2004 và K, sinh ngày: 13/7/2009. Tại các Bản tự khai ngày 27/4/2018, hai cháu L và K trình bày nguyện vọng muốn được ở với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn, xét nguyện vọng trên của hai cháu là tự nguyện nên ghi nhận. Hiện tại, anh P không có công việc ổn định, còn chị T là công nhân đang làm việc tại Công ty TNHH HANSAE Việt Nam, có công việc và mức thu nhập ổn định, hiện tại hai cháu đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu L mới 14 tuổi và cháu K mới 09 tuổi, cần phải có sự trông nom, chăm sóc trực tiếp thường xuyên của cha hoặc mẹ. Tại phiên tòa, chị T cũng đã đưa ra được hướng cụ thể về cách dạy dỗ, chăm sóc con nếu được giao trực tiếp nuôi dưỡng. Căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con, đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, bảo đảm việc học hành và các điều kiện cho sự phát triển tốt về tinh thần, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần giao hai cháu L và K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, mặc dù Tòa án đã giải thích việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là quyền lợi của con để nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên, nhưng chị T chưa yêu cầu anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con. Xét việc chị T chưa yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, phù hợp với hướng dẫn tại điểm

a Mục 11 Nghị quyết 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này. Trường hợp nếu sau này một trong các bên có tranh chấp về cấp dưỡng thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[6] Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét về tài sản chung. Trường hợp nếu sau này một trong các bên đương sự có tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi về việc giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300,000đ (ba trăm nghìn đồng), chị T phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền 300,000đ (ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0032274 ngày 13 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Anh P không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, 11 và 12 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị T.

1.1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị T và anh P.

1.2. Về nuôi con chung: Giao con chung L, sinh ngày: 14/4/2004 và K, sinh ngày: 13/7/2009 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T về việc chưa yêu cầu anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con.

Anh P được quyền đến thăm, chăm sóc và giáo dục con, vì lợi ích của con, khi cần thiết cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

Các bên thực hiện dưới sự giám sát của Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

1.3. Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét về tài sản chung.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300,000đ (ba trăm nghìn đồng), chị T phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền 300,000đ (ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0032274 ngày 13 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Chị T đã nộp đủ án phí. Anh P không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi;
- Đương sự;
- UBND xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu vp, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Xuân Chính

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Xuân Chính